TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **135**/2021/KDTM-PT
Ngày 30/6/2021
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Bà Lê Thúy Linh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 30/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 226/2020/TLPT-KDTM ngày 14/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Quyết định giám đốc thẩm số 07/2020/KDTM-GĐT ngày 13/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 252/2021/QĐ-PT ngày 10/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 328/2021/QĐ-PT ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Văn N – Trưởng bộ phận xử lý nợ; Ông Đỗ Văn K – Cán bộ xử lý nợ; Ông Đào Văn L - Cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ: quận C, thành phố Hà Nội; có mặt

-Bị đơn: Công ty S

Địa chỉ: phố T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy L – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị M, sinh năm 1965. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; có mặt

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Huy L, sinh năm 1987. HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Địa chỉ: phố T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị M, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng T và Công ty S ký Hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng số 241-C-196709 ngày 15/09/2016; Hợp đồng tín dụng số 050516-331472-01-SME ngày 09/05/2016; Hợp đồng tín dụng số 060317-331472-01-SME ngày 14/03/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số 060317-331472-01-SME ngày 14/03/2017) ngày 14/03/2017 và các khế ước nhận nợ ngày 11/5/2016 và ngày 14/3/2017, theo đó Công ty S được vay tổng số tiền là 3.719.249.175 đồng, cụ thể:

Theo hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng số 241-C-196709 ngày 15/09/2016: Mục đích sử dụng vốn thông qua việc phát hành thẻ: chi tiêu nội bộ doanh nghiệp. Lãi suất và phương thức tính lãi: lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của Chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: Trong vòng 60 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán, nếu Khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: phần trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Số dư nợ còn lại (sau khi đã trừ đi trị giá thanh toán tối thiểu) vẫn được tính theo mức lãi cho vay trong hạn đang áp dụng. Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: Toàn bộ dư nợ của khách hàng sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng; Ngoài khoản lãi quá hạn, khách hàng phải thanh

toán khoản phạt chậm trả (nếu có) theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Thời hạn Hạn mức thẻ tín dụng thẻ: 12 tháng

Hợp đồng tín dụng số 050516-331472-01-SME ngày 09/05/2016; Hợp đồng tín dụng số 060317-331472-01-SME ngày 14/03/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 060317-331472-01-SME ngày 14/03/2017) ngày 14/03/2017: Đều thỏa thuận Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức do các Bên thỏa thuận trong Hợp đồng này và (các) khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo – bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ. Khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, số tiền phạt chậm trả được tính theo công thức sau: số tiền lãi chậm trả (x) số ngày chậm trả (x) 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 (nếu lãi suất tính theo tháng), 360 (nếu lãi suất tính theo năm); Thời hạn vay: 36 tháng, tính kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Tương ứng với hợp đồng tín dụng, Công ty S đã ký:

Khế ước nhận nợ số: 110516-331472-01-SME ngày 11/05/2016: Số tiền nhận nợ: 2.876.996.700 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng, từ ngày 11/05/2016 đến ngày 10/05/2019. Lãi suất cho vay trong hạn: 19.55%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên ngày 11/08/2016 với mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11.3 %/năm.

Khế ước nhận nợ số: 140317-331472-01-SME ngày 14/03/2016: Số tiền nhận nợ: 482.252.475 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Từ ngày 14/03/2017 đến ngày 14/03/2020. Lãi suất cho vay trong hạn: 18.75%/năm. Lãi suất này sẽ được thay đổi theo phương thức như sau: mức lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, kỳ điều chỉnh đầu tiên ngày 14/06/2017 với mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10,5%/năm.

Để đảm bảo cho những hợp đồng nêu trên ông Nguyễn Huy L đã ký các Hợp đồng bảo lãnh số 050916-331472-01-SME/HĐBL ngày 05/09/2016, Hợp đồng bảo lãnh số 050516-331472-01-SME/HĐBL ngày 09/05/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 060317-331472-01-SME/HĐBL ngày 14/03/2017 với Ngân hàng T. Theo đó ông Nguyễn Huy L đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty S trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi

thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác – của Công ty S với Ngân hàng T phát sinh từ Hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng số 241-C-196709 ngày 15/09/2016; Hợp đồng tín dụng số 050516-331472-01-SME ngày 09/05/2016; Hợp đồng tín dụng số 060317-331472-01-SME ngày 14/03/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 060317-331472-01-SME ngày 14/03/2017) ngày 14/03/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty S và Ngân hàng T bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty Công ty S đã vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T kể từ ngày 11/07/2017. Ngân hàng T đã yêu cầu Công ty S thanh toán nhưng Công ty S không thanh toán, do vậy Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Công ty S phải trả cho Ngân hàng T theo các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết nêu trên số tiền tạm tính đến ngày 02/4/2018: Nợ thẻ tín dụng: Nợ gốc là 329.226.567 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.478.829 đồng, lãi quá hạn 77.981.200 đồng; Nợ theo hợp đồng tín dụng: Nợ gốc: 2.280.133.700 đồng, nợ lãi trong hạn: 35.111.037 đồng, nợ lãi quá hạn: 478.756.484 đồng, phạt chậm trả lãi 72.741.508 đồng. Tổng cộng: 3.281. 429.325 đồng.

- Nếu Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T, thì ông Nguyễn Huy L có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty S toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Công ty S phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty S thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T.

- Trong trường hợp Công ty S và ông Nguyễn Huy L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng T, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty S và ông Nguyễn Huy L để thu hồi khoản nợ vay.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Đào Thị M đại diện bị đơn Công ty S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Huy L xác nhận Công ty S và Ngân hàng T đã ký các Hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng, các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ với tổng số tiền Công ty S được vay là 3.719.249.175 đồng như đại diện Ngân hàng T đã trình bày. Để đảm bảo khoản vay trên của Công ty S, ông Nguyễn Huy L đã ký các hợp đồng bảo lãnh số 050916-331472-01-SME/HĐBL ngày 05/09/2016, Hợp đồng bảo lãnh số 050516-331472-01-SME/HĐBL ngày 09/05/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 060317-331472-01-SME/HĐBL ngày

14/03/2017 với Ngân hàng T. Theo hợp đồng bảo lãnh, ông Nguyễn Huy L đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty S trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác – của Công ty S với Ngân hàng T phát sinh từ Hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng, hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ như Ngân hàng T đã trình bày.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty S đã trả được cho Ngân hàng T một số kỳ nợ gốc và lãi, sau do điều kiện kinh tế khó khăn, Công ty S chưa trả nợ cho Ngân hàng được. Nay Công ty S xác nhận đến ngày 02/4/2018, Công ty S còn nợ Ngân hàng T số tiền nợ gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 329.226.567 đồng; nợ gốc của hai khế ước nhận nợ là 2.280.133.700 đồng. Tổng số tiền gốc là 2.609.360.267 đồng. Nay Ngân hàng T yêu cầu Công ty S thanh toán khoản nợ như ngân hàng trình bày, Công ty S và anh Nguyễn Huy L đề nghị ngân hàng khoanh nợ gốc, không phát sinh lãi đối với công ty và cho công ty thời gian, khi nào công ty có nguồn vốn phục hồi sản xuất kinh doanh thì công ty sẽ trả nợ cho ngân hàng vì hiện nay công ty không có khả năng trả nợ ngay cho ngân hàng. Bản thân anh Nguyễn Huy L hiện nay cũng không có tài sản cá nhân nào để trả nợ thay cho Công ty S. Nếu ngân hàng không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Xác nhận đến ngày 02/4/2018, Công ty S còn nợ đối với Ngân hàng T số tiền tạm tính đến ngày 02/4/2018, Nợ thẻ tín dụng là 329.226.567đ nợ gốc, 7.478.829đ nợ lãi trong hạn, 77.981.200đ lãi quá hạn; Nợ theo hợp đồng tín dụng 2.280.133.700đ nợ lãi, 35.111.037đ nợ lãi trong han, 478.756.484đ nợ lãi quá hạn. Tổng cộng là 3.208.687.817đ.

Buộc Công ty S phải trả cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày ngày 02/4/2018 , Nợ thẻ tín dụng là 329.226.567đ nợ gốc, 7.478.829đ nợ lãi trong hạn, 77.981.200đ lãi quá hạn; Nợ theo hợp đồng tín dụng 2.280.133.700đ nợ lãi, 35.111.037đ nợ lãi trong han, 478.756.484đ nợ lãi quá hạn. Tổng cộng là 3.208.687.817đ.

Kể từ ngày 03/4/2018, Công ty S phải tiếp tục chịu lãi suất theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng T và Công ty S.

Trường hợp Công ty S không thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền trên Ngân hàng T có quyền yêu cầu ông Nguyễn Huy L trả nợ thay Công ty S.

Trường hợp Công ty S và ông Nguyễn Huy L không thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền trên Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty S và ông Nguyễn Huy L để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Công ty S phải chịu 96.173.740đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch. Ngân hàng T được hoàn lại 45.104.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 08718 ngày 18/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vương Công ty S và ông Nguyễn Huy L được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 20/7/2018 Công ty S và anh Nguyễn Huy L kháng cáo.

Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 152/2018/KDTM-PT ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Huy L.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty S.

Buộc Công ty S phải trả cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày ngày 02/4/2018 là 3.154.945.421 (Ba tỷ một trăm năm tư triệu chín trăm bốn lăm nghìn bốn trăm hai mốt) đồng, trong đó:

Nợ thẻ tín dụng: Nợ gốc là 329.226.567 (Ba trăm hai chín triệu hai trăm hai sáu nghìn năm trăm sáu bảy) đồng, nợ lãi trong hạn là 7.478.829 (Bảy triệu

bốn trăm bay tám nghìn tám trăm hai chín) đồng, lãi quá hạn 77.981.200 (Bảy mươi bày triệu chín trăm tám mốt nghìn hai trăm) đồng;

Nợ theo hợp đồng tín dụng: Nợ gốc là 2.280.133.700 (Hai tỷ hai trăm tám mươi triệu một trăm ba ba nghìn bảy trăm) đồng, nợ lãi trong hạn là 35.111.037 (Ba mươi lăm triệu một trăm mười một nghìn không trăm ba bảy) đồng, nợ lãi quá hạn là 425.014.088 (Bốn trăm hai lăm triệu không trăm mười bốn nghìn không trăm tám tám) đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

3. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng T đối với khoản tiền phạt chậm trả.

Trường hợp Công ty S không trả được nợ và ông Nguyễn Huy L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty S và ông Nguyễn Huy L để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí kinh doanh thương mại:

Án phí sơ thẩm: Công ty S phải chịu 95.098.908 (Chín mươi lăm triệu không trăm chín tám nghìn chín trăm linh tám) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng T được hoàn trả 45.104.000 (Bốn mươi lăm triệu một trăm linh bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 08718 ngày 18/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Án phí phúc thẩm: Hoàn trả Công ty S số tiền 300.000 (Ba trăm) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0008092 ngày 25/7/2018; Hoàn trả ông Nguyễn Huy L số tiền 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng và số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0008085 ngày 23/7/2018 và số AA/2016/0008243 ngày 24/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/11/2018.

Sau khi xét xử phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 15/2019/QĐKNGĐT-VC1-KDTM ngày 29/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị một phần đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 152/2018/KDTM-PT ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy một phần bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên về phần lãi suất quá hạn và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm lại theo quy định pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 07/2020/KDTM-GĐT ngày 13/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xử:

1.Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 152/2018/KDTM-PT ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn là Ngân hàng T với bị đơn là Công ty S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Huy L về thanh toán tiền lãi.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Bác đơn kháng cáo của Công ty S và ông Nguyễn Huy L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Công ty S và ông Nguyễn Huy L phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Ngân hàng T với Công ty S phát sinh từ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm và Hợp đồng tín dụng, được xác lập bởi các chủ thể có tư cách pháp nhân và đều có mục đích sinh lợi, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Do bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 152/2018/KDTM-PT ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy một phần về thanh toán tiền lãi nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét về phần thanh toán tiền lãi, còn các phần khác của bản án này đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] - Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngân hàng và Công ty S ký kết các hợp đồng: Hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng số 241-C-196709 ngày 15/9/2016; Hợp đồng tín dụng số 050516-331472-01-SME ngày 09/5/2016; Hợp đồng tín dụng số 060317-331472-01-SME ngày 14/3/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/3/2017 (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 060317-331472-01-SME ngày 14/3/2017); tương ứng với hai khế ước nhận nợ số 110516-331472-01-SME ngày 11/5/2016 và khế ước nhận nợ số 0317-331472-01-SME ngày 14/3/2017 với tổng số tiền là 3.719.249.175 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã trả ngân hàng 1.079.115.475 đồng nợ gốc và 544.875.940 đồng nợ lãi. Công ty S vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của cả hai khế ước nhận nợ về thời hạn trả nợ và Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 050516-331472-01-SME ngày 09/5/2016, Hợp đồng tín dụng số 060317-331472-01-SME ngày 14/3/2017 và khoản 5 Điều 7 của Hợp đồng mở và sử dụng thẻ số 241-C-196709 ngày 15/9/2016 với số tiền nợ gốc tính đến ngày 02/4/2018 là 2.609.360.267 đồng. Phần này đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu buộc Công ty S phải trả các khoản tiền lãi tại hợp đồng tín dụng số 050516-331472-01-SME ngày 09/5/2016 và Hợp đồng tín dụng số 060317-331472-01-SME ngày 14/3/2017 đã ký giữa ngân hàng với Công ty S và các khế ước nhận nợ quy định lãi suất trong hạn đối với khoản vay thời hạn 36 tháng được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ được các bên thỏa

thuận tại các khế ước nhận nợ làm căn cứ tính lãi suất quá hạn, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty S phải trả ngân hàng tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng, hợp đồng tín dụng kèm các khế ước nhận nợ là có căn cứ.

Mặt khác, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 16/3/2011 vốn điều lệ của Công ty S là 28 tỷ đồng, ngành nghề kinh doanh đa dạng, trong đó có thương mại, dịch vụ và công nghiệp. Theo báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty S có doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 507.868.014 đồng, nên theo khoản 3 Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xác định Công ty S là doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Tuy nhiên, nội dung của Nghị định nêu trên không quy định về việc doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ về lãi suất khi ký kết hợp đồng tín dụng với các tổ chức tín dụng. Vì vậy, nội dung kháng cáo của bị đơn và ông Nguyễn Huy L là không có cơ sở, nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 471; Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005

Áp dụng Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

-Không chấp nhận nội dung kháng cáo về phần thanh toán tiền lãi của bị đơn là Công ty S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Huy L

-Giữ nguyên phần thanh toán tiền lãi của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về phần thanh toán tiền lãi của Ngân hàng T.

2. Buộc Công ty S phải trả cho Ngân hàng T số tiền lãi tính đến ngày

02/4/2018:

-Đối với hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng:

Nợ lãi trong hạn: 7.478.829 đồng

Nợ lãi quá hạn: 77.981.200 đồng

-Đối với hợp đồng tín dụng:

Nợ lãi trong hạn: 35.111.037 đồng

Nợ lãi quá hạn: 478.756.484 đồng

Tổng cộng là: 599.327.550 đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí phúc thẩm:

- Công ty S phải nộp 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008085 ngày 23/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, nên còn phải nộp tiếp 1.700.000 đồng;

- Ông Nguyễn Huy L phải nộp 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào 1.700.000 đồng và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008243 ngày 24/9/2018 và số AA/2016/0008092 ngày 25/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS huyện Thanh Trì, tp Hà Nội;
- TAND huyện Thanh Trì, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn